

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2020/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Nguyễn Tấn Í, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn P1, xã B, huyện B, tỉnh Q.

2/ Chị Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn P2, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Í và chị Bùi Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 29/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn về cách sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau và anh, chị sống ly thân nhau từ khi chị T mang thai cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng anh chị không thể hàn gắn được và xác định đến nay tình cảm không còn. Nay anh Í, chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa

anh Ích, chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Tấn Í và chị Bùi Thị Ánh T thống nhất có một chung Nguyễn Tấn Huy Kh, sinh ngày 02/9/2018. Hai bên thỏa thuận giao cháu Kh cho chị T tiếp tục nuôi. Xét thấy cháu Kh hiện nay dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh Í và chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Í cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tấn Huy Kh, sinh ngày 02/9/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị T, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn Í có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Í và chị Bùi Thị Ánh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tấn Í và chị Bùi Thị Ánh T thống nhất có một chung Nguyễn Tấn Huy Kh, sinh ngày 02/9/2018. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Kh cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Í cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tấn Huy Kh, sinh ngày 02/9/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị T, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn Í có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Tấn Í và chị Bùi Thị Ánh T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh Í, chị T

đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000676, ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung